

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 54/TTr-STTTT ngày 31/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Có Đề án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Đề án theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh; các phòng, trung tâm;
- Lưu: VT, KGVX.Đưng.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

ĐỀ ÁN

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

Phần I MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT

Chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài của hệ thống chính trị và toàn xã hội, chuyển đổi số mang lại cả cơ hội và thách thức đòi hỏi các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân phải thay đổi để phù hợp với sự tiến bộ của công nghệ, khoa học kỹ thuật, áp dụng mạnh mẽ thành tựu tiên tiến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội.

Để chuyển đổi số toàn diện, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số nhanh, hiệu quả và bền vững thì nguồn nhân lực chuyển đổi số đóng vai trò rất quan trọng; việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng đang trở thành yêu cầu cấp thiết. Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành rất nhiều các chính sách về phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số như:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đặt mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách phát triển nguồn nhân lực là một trong 8 chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo “Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trên thế giới để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, không ai bị bỏ lại phía sau”.

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số; phổ cập kỹ năng số cho các đối tượng tham gia vào quá trình chuyển đổi số quốc gia, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản về chuyển đổi số để cụ thể hóa các văn bản do Trung ương ban hành và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tích cực triển khai, thực hiện chuyển đổi số, góp phần tăng cường công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng hạng chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh. Tuy nhiên, người đứng đầu một số sở, ngành, UBND huyện, thành phố chưa thực sự quan tâm đến công tác chuyển đổi số, chưa bố trí được cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số chưa được quan tâm đầu tư; chưa có được nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chuyển đổi số.

Để đẩy mạnh hơn nữa công cuộc chuyển đổi số và chuyển đổi số toàn diện, tăng cường năng lực cạnh tranh của tỉnh, thì việc xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang là cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006;

2. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 29/07/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

3. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

4. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

5. Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

6. Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

7. Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy Bắc Giang về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

8. Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 17/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về Đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

9. Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

10. Kế hoạch số 6649/KH-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2023.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

Phạm vi của đề án: Đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Đối tượng của đề án: Cơ quan nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp; các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

Phần II

HIỆN TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

I. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Chất lượng nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh

1.1. Kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành công tác đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin đã có những chuyển biến tích cực. Hằng năm, tỉnh đều có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ các sở, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã. Đến nay, cơ bản nguồn nhân lực tại các đơn vị đã đáp ứng được nhu cầu; tuy nhiên, vẫn còn thiếu cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chủ yếu là kiêm nhiệm, bán chuyên trách nên gặp nhiều khó khăn trong việc quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại các cơ quan cấp xã vẫn còn nhiều hạn chế.

Tổng số cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hiện nay là 5.235 người, trong đó có 175 người có trình độ về công nghệ thông tin từ trung cấp trở lên, chiếm 3% (Đại học trở lên 44 người, Cao đẳng 9 người, Trung cấp 122 người); 4.481 người có chứng chỉ tin học (chiếm 86%); 100% cán bộ công chức biết sử dụng máy tính, internet.

Tại các đơn vị sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố: Toàn tỉnh có 75/81 biên chế được giao đang làm công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an ninh mạng trong các cơ quan nhà nước. Trong đó, có 24 sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND huyện, thành phố đã bố trí công chức chuyên trách công nghệ thông tin và chuyển đổi số, với 24 cán bộ (trong đó có 23 cán bộ có trình độ Đại học về công nghệ thông tin và 01 cán bộ có trình độ Cao đẳng về công nghệ thông tin). 07 huyện (Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang, Yên Thế, Sơn

Động, Lục Ngạn, Lục Nam) vẫn bố trí cán bộ kiêm nhiệm làm công tác công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Tại các đơn vị UBND cấp xã: Chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chủ yếu do cán bộ văn hoá xã làm nhiệm vụ kiêm nhiệm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của khối xã (209/209 xã thực hiện kiêm nhiệm).

Nhân lực an toàn thông tin mạng: Có 38 công chức chuyên trách an toàn thông tin mạng tại các sở, ngành, UBND huyện, thành phố; 17 viên chức chuyên trách về an toàn thông tin mạng; 209 công chức cấp xã kiêm nhiệm về an toàn thông tin mạng tại các xã, thị trấn; 120 viên chức kiêm nhiệm về an toàn thông tin mạng trong các đơn vị sự nghiệp.

1.2. Kỹ năng số trong các đơn vị giáo dục, đào tạo và y tế

a) Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Trong thời gian qua, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại các đơn vị giáo dục đã được quan tâm đầu tư phát triển, các cơ sở đào tạo về công nghệ thông tin đã từng bước được mở rộng quy mô và thành lập mới nhằm đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh. Đến thời điểm tháng 6/2023, toàn tỉnh hiện có 16.885 giáo viên phổ thông trong biên chế, trong đó:

Tại các trường trung học phổ thông: Có 2.697 giáo viên, trong đó có 100% giáo viên biết sử dụng máy tính ứng dụng vào quản lý và giảng dạy. 100% trường có phân công giáo viên, nhân viên (có chuyên môn đào tạo về tin học, CNTT).

Tại các trường trung học cơ sở: Có 6.144 giáo viên, trong đó có 85% giáo viên biết sử dụng máy tính ứng dụng vào quản lý và giảng dạy. Khoảng 25% trường có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin.

Tại các trường tiểu học: Có 8.044 giáo viên, trong đó có 85% giáo viên biết sử dụng máy tính ứng dụng vào quản lý và giảng dạy. 15% trường có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nhiều lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho giáo viên các cấp và cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin trong toàn ngành; tổ chức tập huấn cho các giáo viên, cán bộ quản lý và lãnh đạo các trường về hệ thống Trường học kết nối, phần mềm quản lý, phần mềm hỗ trợ dạy học. Đặc biệt, năm học 2023-2024, Sở GDĐT đã chủ trì, phối hợp với đối tác AEGLOBAL tổ chức bồi dưỡng “Nâng cao kỹ năng dạy học trong kỷ nguyên kỹ thuật số” cho 100% CBQL, GV phổ thông trên địa bàn tỉnh.

b) Trong lĩnh vực y tế

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 1.999 y, bác sỹ, trong đó:

Tại các bệnh viện: Đạt 100% bệnh viện có cán bộ y, bác sỹ biết sử dụng máy tính, với khoảng 90% cán bộ y, bác sỹ biết sử dụng máy tính ứng dụng vào

quản lý và điều trị. 100% bệnh viện có bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, trung bình mỗi bệnh viện có 2 cán bộ.

Tại các trạm y tế xã/phường: có khoảng 45% cán bộ y, bác sỹ biết sử dụng máy tính ứng dụng vào quản lý, điều trị. Chưa có đơn vị nào có bộ phận phụ trách công nghệ thông tin.

Nhìn chung, nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại các bệnh viện cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám và chữa bệnh. Tuy nhiên, các cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại các bệnh viện chưa được đào tạo thường xuyên, trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế; nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại các trạm y tế xã/phường vẫn còn thiếu cả về số lượng và chất lượng.

1.3. Kỹ năng số trong các doanh nghiệp

Trong thời gian qua, các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã chú trọng tới vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh, đã có nguồn nhân lực công nghệ thông tin phụ trách triển khai và ứng dụng các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Trong các lĩnh vực như du lịch, giải trí, tài chính, ngân hàng, việc ứng dụng công nghệ thông tin đều phát triển mạnh. Đội ngũ lao động công nghệ thông tin trong các đơn vị này ngày càng tăng, đặc biệt là lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực công nghệ thông tin vẫn chưa đáp ứng đủ so với nhu cầu thực tế của các đơn vị, vẫn còn thiếu cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 7.901 doanh nghiệp, với trên 338.440 lao động, trong đó có khoảng 5% lao động có trình độ cao đẳng công nghệ thông tin trở lên; 85% lao động biết sử dụng máy tính trong công việc. Đội ngũ chuyên gia chiếm số lượng thấp; cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của các doanh nghiệp vẫn còn thiếu nhiều (có 60% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và 40% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khác có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, trung bình mỗi đơn vị có 1,4 cán bộ), đa số các nhân viên đều làm việc kiêm nhiệm hoặc thuê ngoài trong lĩnh vực ứng dụng, bảo trì hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin. Đa phần các doanh nghiệp đều thường xuyên sử dụng email để trao đổi trong công việc cũng như giao dịch với các đối tác, khách hàng để tối giảm chi phí và thời gian. 40% doanh nghiệp có kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng thương mại điện tử.

Trong thời gian tới cần đào tạo cơ bản về công nghệ thông tin và nâng cao năng lực sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử cho lãnh đạo, cán bộ và nhân viên tại các doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin cho các doanh nghiệp phục vụ tiến trình chuyển đổi số.

1.4. Kỹ năng số của người dân

Hiện nay, tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng tỉnh Bắc Giang đạt 85,9%; tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 79,5%. Tỷ lệ người dân có thể sử dụng thiết bị công nghệ số (trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên có thể sử dụng máy tính và thiết bị thông minh, chưa qua

đào tạo công nghệ số) chiếm khoảng 75%. Tỷ lệ người dân có kỹ năng số cơ bản (tốt nghiệp Trung học phổ thông) chiếm khoảng 35%.

Số lượng người dân sử dụng mạng xã hội cũng chiếm tỷ lệ cao với khoảng 65% dân số. Facebook, Google, Youtube, Zalo là các mạng xã hội và công cụ tìm kiếm được nhiều người trên địa bàn tỉnh sử dụng hiện nay. Việc sử dụng internet cũng như các mạng xã hội đúng mục đích và phù hợp sẽ là công cụ hữu hiệu góp phần quan trọng phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với mỗi người dân.

Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng chiếm khoảng 70%; 60% người dùng Internet tham gia mua sắm trực tuyến ít nhất một lần trong năm (thấp hơn so với trung bình cả nước – 77%). Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến chiếm khoảng 7,7%.

2. Công tác giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp của tỉnh

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 04 trường Cao đẳng (Cao Đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang; Cao Đẳng công nghệ Việt Hàn; Cao Đẳng Kỹ thuật công nghiệp Bắc Giang, Cao đẳng miền núi Bắc Giang) đã có các chuyên ngành đào tạo công nghệ thông tin, điện tử viễn thông... Mỗi năm các trường đào tạo khoảng hơn 1.000 sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành công nghệ thông tin, điện tử viễn thông chiếm khoảng 40% tổng số sinh viên các ngành đào tạo của trường.

Bên cạnh đó, tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh cũng đã và đang đào tạo và giảng dạy về tin học theo Chương trình môn Tin học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (100% các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh có dạy tin học), nhằm giúp học sinh hình thành và phát triển khả năng sử dụng máy tính, làm quen và sử dụng Internet, khai thác các phần mềm thông dụng, tra cứu và tìm kiếm dữ liệu số. Với khoảng 98% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông/năm, có kỹ năng số cơ bản phục vụ học tập và đời sống.

3. Công tác tuyên truyền, nhận thức về chuyển đổi số

Bên cạnh việc tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện, tỉnh vẫn thường xuyên công tác kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, tính cấp thiết triển khai chuyển đổi số. Bước đầu thúc đẩy công tác cải cách hành chính và đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Cụ thể:

a) Đối với lãnh đạo các cấp

Hàng năm, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động; tổ chức Hội nghị họp Ban Chỉ đạo chuyển đổi số định kỳ mỗi quý một lần để kịp thời rà soát, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ và định hướng nhiệm vụ trọng tâm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp tham dự các phiên họp của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số; chủ trì các hội thảo, hội nghị về nâng cao nhận thức chuyển đổi số, chính quyền số cho cán bộ lãnh đạo các cấp trên địa bàn tỉnh.

Hàng tháng, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ ban hành thông báo chỉ đạo các cơ quan báo chí thường trú, cơ quan

báo chí của tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường lan tỏa các thông tin tích cực trên môi trường mạng; tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật trên nền tảng số; sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Đến nay, nhận thức về chuyển đổi số của các cấp, các ngành và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được nâng lên rõ rệt.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 10/9/2022 lấy ngày 10/10 hằng năm là Ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức

Nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh cũng như toàn thể nhân dân trong tỉnh; Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố đã xây dựng các chuyên mục riêng về Chuyển đổi số và đăng tải nhiều tin, bài viết, tài liệu tuyên truyền về chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh cũng đã xây dựng các chuyên mục riêng về chuyển đổi số để tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách của tỉnh, hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số và phát sóng định kỳ 1 tuần/1 lần. Thông qua kênh mạng xã hội - Zalo Thông tin cơ sở - Bắc Giang, Sở Thông tin và Truyền thông đã truyền tải các thông tin liên quan đến lĩnh vực chuyển đổi số, cải cách hành chính của tỉnh để các địa phương kịp thời nắm bắt và tổ chức thực hiện tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh cơ sở.

Công an tỉnh đã phối hợp với Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục pháp luật với cuộc sống; xây dựng các tin, bài viết, phóng sự trên Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh về các nội dung của Đề án 06/CP... Đã tổ chức thực hiện gửi tin, bài, ảnh về việc giải quyết các TTHC trên cổng dịch vụ công, việc triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC... trên Trang thông tin điện tử. Tổ chức tuyên truyền các nội dung thực hiện Đề án 06/CP trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Công văn số 965/UBND-KGVX ngày 08/3/2023 về việc thống nhất nhận thức chung về sự khác nhau giữa công nghệ thông tin và chuyển đổi số (bao gồm 17 điểm khác nhau giữa công nghệ thông tin và chuyển đổi số), 100% các sở, ngành, UBND huyện, thành phố đã tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, ngành, địa phương mình để hiểu đúng, nhận thức đúng về chuyển đổi số, từ đó có hành động đúng thúc đẩy chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

Năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức Hội nghị gặp mặt, đối thoại với đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Đây là lần đầu tiên tỉnh tổ chức nhằm nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn toàn tỉnh; đồng thời, lắng nghe những ý tưởng, sáng kiến, đề xuất để hợp lực thành một khối thống nhất, tạo ra

cách tiếp cận mới, thúc đẩy công tác chuyển đổi số, phục vụ tốt hơn hoạt động của các cơ quan nhà nước và đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác bồi dưỡng, tập huấn

4.1. Trong các cơ quan nhà nước

Năm 2022, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp về chuyên đổi số cho lãnh đạo UBND cấp xã với hơn 600 học viên là chủ tịch UBND, cán bộ, công chức UBND 209 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh; tổ chức bồi dưỡng năng lực xử lý sự cố an toàn thông tin cho 40 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin các cơ quan, đơn vị; tổ chức 37 lớp đào tạo, bồi dưỡng khác về sử dụng các hệ thống thông tin, chuyển đổi số theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Sở Nội vụ đã triển khai 03 lớp bồi dưỡng, cập nhật ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho đối tượng cán bộ công chức các sở, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố. UBND huyện, thành phố đã chủ động triển khai các lớp tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ phục vụ chuyển đổi số cho cán bộ, công chức viên chức và UBND xã, phường, thị trấn, người dân trên địa bàn quản lý với gần 100 lớp.

Năm 2023, Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai 34 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó: 10 lớp tập huấn nâng cao năng lực số cho cán bộ hội phụ nữ cơ sở trên toàn tỉnh; 01 lớp nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho cán bộ ngành văn hóa; 09 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng chứng thư số, chữ ký số cho cán bộ công chức ngành Giáo dục của thành phố Bắc Giang; viên chức y bác sỹ của bệnh viện Đa khoa tỉnh, bệnh viện Y học cổ truyền và bệnh viện Sản nhi Bắc Giang; 10 lớp hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến và số hóa hồ sơ cho cán bộ một cửa các xã, phường, thị trấn trên địa bàn các huyện, thành phố; 04 lớp tập huấn sử dụng phần mềm QLVB&ĐH qua mạng cho các tổ chức chính trị xã hội cấp xã các huyện Việt Yên, Hiệp Hòa và Yên Thế; tiếp tục hỗ trợ cho thành phố Bắc Giang, huyện Yên Dũng, huyện Lục Ngạn và huyện Yên Thế, Tân Yên triển khai các lớp tập huấn nâng cao năng lực số cho cán bộ Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp; Chi hội trưởng, chi hội phó Chi hội phụ nữ các thôn và Đoàn thanh niên. Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh đã tổ chức nhiều chuyên đề tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

UBND huyện, thành phố đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, Tổ công nghệ số cộng đồng xã, phường, thị trấn.

4.2. Trong lĩnh vực xã hội số

Ngày 20/04/2022, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án nâng cao năng lực số cho thanh thiếu niên tỉnh Bắc Giang, phát huy vai trò nòng cốt, đi đầu của các cấp bộ đoàn trong chuyển đổi số giai đoạn 2022 – 2025. Trên cơ sở đó, Tỉnh đoàn Bắc Giang và các huyện, thành đoàn đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, trang bị kiến thức về chuyển đổi số; các huyện, thành đoàn đã tổ chức 04

Hội nghị về chuyển đổi số, tuyên truyền về chuyển đổi số và sự quan trọng của chuyển đổi số cho hơn 1.500 đoàn viên, thanh thiếu niên; chỉ đạo các cấp bộ đoàn toàn tỉnh tham gia hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương; duy trì Đội Thanh niên tình nguyện hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính công trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh; các cơ sở Đoàn đã tích cực triển khai các hoạt động phối hợp thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt.

Kết quả triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng: Năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thành lập 209/209 Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, 1.891/1.891 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn (đạt 100%) với trên 16.000 thành viên; Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội nghị trực tuyến bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh năm 2022 cho 209 Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, 1.891 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với khoảng 16.000 thành viên tham dự tại 219 điểm cầu (10 điểm cầu UBND cấp huyện, thành phố; 209 điểm cầu cấp xã, phường, thị trấn). Năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND huyện, thành phố kiện toàn 100% Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP cấp thôn và thực hiện tổ chức tập huấn, triển khai các nhiệm vụ nâng cao chất lượng hoạt động theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 17/08/2023 nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Tổ CNSCĐ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Điểm mạnh

Trình độ cán bộ công chức, viên chức sử dụng máy tính và các nghiệp vụ thông thường trên mạng đã được nâng lên; đa số đã ứng dụng được những tiện ích thông thường vào công việc hàng ngày; khả năng sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng được cải thiện đáng kể qua các năm, đã giúp cán bộ công chức, viên chức rất nhiều trong công việc chuyên môn.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách đã được quan tâm bồi dưỡng qua các chuyên đề như: Quản lý tập trung hệ thống mạng, triển khai hạ tầng mạng trong cơ quan nhà nước, an ninh mạng, an toàn thông tin hạ tầng mạng... từ đó giúp cho đội ngũ này được nâng cao trình độ, biết cách khắc phục sửa chữa máy tính, biết cài đặt các phần mềm bảo mật máy tính, biết cách triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị hệ thống mạng cơ bản tại cơ quan, đơn vị.

2. Điểm yếu

Trình độ về công nghệ thông tin của cán bộ công chức, viên chức nói chung tuy có tiến bộ nhưng vẫn chưa đồng đều giữa các cơ quan, địa phương; chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ cũng như yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin cho chính quyền điện tử, chính quyền số.

Cán bộ quản lý, lãnh đạo ở các cơ quan, đơn vị chưa được bồi dưỡng thường xuyên, đầy đủ về quản lý công nghệ thông tin, chuyển đổi số, từ đó,

chưa nhận thức sâu về tầm nhìn, chiến lược bao quát để tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp tại cơ quan, đơn vị mình.

Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực chuyên trách phục vụ chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu.

Cơ hội việc làm và thu nhập của người làm lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh thời gian qua còn thấp so với mặt bằng chung trong khu vực, nên khó thu hút được nhân lực công nghệ thông tin về làm việc cho các doanh nghiệp, tổ chức trong tỉnh.

Các lớp tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số rất ít, thời gian tập huấn ngắn nên không nâng cao được chất lượng nguồn nhân lực chuyển đổi số của tỉnh.

Các Tổ công nghệ số cộng đồng được xây dựng nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao do chưa có chính sách hỗ trợ hoạt động; Nền tảng đào tạo trực tuyến Onetouch đến người dân và cộng đồng xã hội vẫn chưa được triển khai, do đó công dân tiếp cận công nghệ số và kỹ năng số còn hạn hẹp.

3. Nguyên nhân

Việc thu hút nhân lực ngành công nghệ thông tin về làm việc tại địa phương, nhất là vào làm việc trong cơ quan Nhà nước gặp nhiều khó khăn do thu nhập thấp hơn so với làm việc tại các khu vực khác.

Một số công chức chuyên trách công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương phải kiêm nhiệm thêm các công việc khác hoặc chưa có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin nên thời gian để tập trung tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu về công nghệ thông tin không đảm bảo, không kịp thời cập nhật những kiến thức mới, những công nghệ mới, đặc biệt là kiến thức về an toàn thông tin mạng.

Công tác thanh tra, kiểm tra giám sát, kết hợp với đôn đốc thực hiện tin học hóa, chuyển đổi số trong từng cơ quan chưa được bao quát, thường xuyên và đầy đủ.

Đa số các doanh nghiệp không có bộ phận chuyên trách về công nghệ thông tin, ít chú trọng cử nhân viên đi đào tạo về công nghệ thông tin và ít đầu tư thời gian, kinh phí để được tư vấn chuyên sâu về các ứng dụng công nghệ thông tin.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA TỈNH ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN 2030

1. Đánh giá cơ hội, thách thức về nguồn nhân lực chuyển đổi số của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tầm nhìn 2030

1.1. Các cơ hội phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Chuyển đổi số đã và đang là xu thế lớn, mở ra nhiều cơ hội, tác động sâu rộng tới các cấp, các ngành, các địa phương và tới mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội.

Chuyển đổi số tạo cơ hội cho nguồn nhân lực của Bắc Giang tham gia sâu, rộng hơn vào sự phân công, hợp tác lao động quốc tế và nâng cao chất lượng

nguồn nhân lực. Chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế đã mở ra điều kiện thu hút mạnh các dự án có vốn đầu tư của nước ngoài ngày càng nhiều vào Bắc Giang, kéo theo đó là nguồn vốn công nghệ và nhân lực trình độ cao của nước ngoài. Đây là một cơ hội rất lớn giúp Bắc Giang có thể vươn xa hơn trong quan hệ với các đối tác quốc tế.

Bắc Giang có lực lượng lao động dồi dào, cùng với việc quan tâm, chú trọng đến công tác đào tạo nghề nên chất lượng nhân lực ngày càng được nâng cao, là thế mạnh để thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều lao động. Năm 2022 dân số của tỉnh 1.890,9 nghìn người, đứng thứ 11 cả nước. Với lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có khoảng 986,8 nghìn người, chiếm 52% tổng dân số¹.

Cơ hội phát triển nguồn nhân lực số: Phát triển kinh tế - xã hội là nền tảng quan trọng giúp Bắc Giang có thể rút ngắn khoảng cách phát triển và nắm bắt được những cơ hội từ bên ngoài để tạo sức bật, đặc biệt là tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 để phát triển nguồn nhân lực số của tỉnh. Xác định đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ kinh tế số, kinh tế tri thức, dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế chuyển dịch nhân lực trên thị trường lao động quốc tế; việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế như hiện nay là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX đã xác định: Chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, tập trung đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật, chất lượng cao, góp phần tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế và tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư.

Cơ hội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua liên kết, hợp tác: Việc đẩy mạnh liên kết vùng và hợp tác trong nước và quốc tế để phát triển nguồn nhân lực thông qua ký kết thỏa thuận hợp tác đào tạo giữa Tỉnh với các trường đại học hàng đầu Việt Nam, các trường đại học quốc tế và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác. Đây là cơ hội tốt để Tỉnh có thể tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Tỉnh từ nay đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

1.2. Các thách thức

Việt Nam đang trong quá trình thúc đẩy chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia số vào năm 2030. Trong hành trình đó, việc đào tạo kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực số là yếu tố then chốt trong việc xây dựng lực lượng nòng cốt, hình thành mạng lưới chuyên gia chuyên đổi số để dẫn dắt, tổ chức, lan tỏa tiến trình chuyển đổi số góp phần bảo đảm công cuộc chuyển đổi số địa phương một cách nhanh chóng, hiệu quả, bền vững và thành công, đây cũng là một thách thức rất lớn đối với Bắc Giang.

¹ Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022 của Tổng cục thống kê

Bắc Giang có số lượng lao động lớn, lực lượng lao động trẻ song chất lượng nhân lực của tỉnh còn thấp, còn thiếu hụt nguồn nhân lực công nghệ thông tin, mà rất nhiều cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đông đảo người dân còn thiếu kỹ năng để tham gia chuyển đổi số. Bắc Giang có điều kiện trong việc phát triển nguồn nhân lực số, song sự phát triển đó đang chưa tương xứng với tiềm năng. Tỷ lệ nhân lực qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ về công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng tăng nhưng so với tổng nhân lực đang làm việc trong ngành còn thấp, đặc biệt còn thiếu nhiều nhân lực chất lượng cao.

Việc này, dẫn đến nhu cầu đào tạo và tái đào tạo nhân lực số rất lớn trong xã hội. Lực lượng lao động cần được chú trọng tập trung đào tạo và tái đào tạo bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang làm việc trong cả hai khối tư nhân và hành chính công; sinh viên trẻ – lực lượng lao động kế cận; học sinh các cấp làm quen với tri thức và kỹ năng số đảm bảo nhân lực tương lai có khả năng thích nghi với tương lai từ công nghệ và chuyển đổi số. Bên cạnh đó, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ: Điều đó đặt ra yêu cầu bức thiết về cơ cấu lại nền kinh tế, lấy các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao dựa vào lợi thế các di sản, các ngành sản xuất giàu hàm lượng tri thức, khoa học và tính kết nối thông minh làm trụ cột trong phát triển.

2. Dự báo về nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh và nhu cầu sử dụng

Trong thời gian tới, nhiều doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI đầu tư vào tỉnh, nhu cầu về lao động qua đào tạo chất lượng cao sẽ tăng; thêm vào đó nhu cầu lao động qua đào tạo phục vụ công tác xuất khẩu lao động ngày càng tăng cao. Dự báo đến năm 2025, nhu cầu đào tạo lao động của tỉnh là 1.029.625 người, tăng 230.290 người so với năm 2020, chiếm 80%; số lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có bằng cấp, chứng chỉ là 347.498 người, tăng 113.498 người so với năm 2020.

Trong đó, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực số trong các cơ quan nhà nước đến năm 2025 là 5.235 người, đạt 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước hằng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số. Đến năm 2030, duy trì đào tạo cho 100% cán bộ.

Nhu cầu đào tạo cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng của tỉnh đến năm 2025 là 75 cán bộ, đạt 100% cán bộ, trung bình mỗi đơn vị sở, ngành, UBND cấp huyện có khoảng 1-2 cán bộ. Đến năm 2030, duy trì đào tạo cho 100% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng.

Đến năm 2030, đào tạo kỹ năng số, năng lực số cho khoảng 1.300 người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

Phần III
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ
CỦA TỈNH BẮC GIANG

I. QUAN ĐIỂM

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những khâu đột phá, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025, sớm đưa Bắc Giang nằm trong nhóm 15 tỉnh đứng đầu cả nước về quy mô GRDP; thu nhập bình quân đầu người cao hơn bình quân cả nước.

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số giúp nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính; tạo nền tảng xây dựng chính quyền số góp phần phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, hướng tới xây dựng tỉnh Bắc Giang phát triển toàn diện, vững chắc.

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và xã hội, nhằm huy động nguồn lực toàn xã hội để xây dựng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh có chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu trước mắt và lâu dài.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số chuyên nghiệp, chất lượng cao, đảm bảo đủ nhân lực và xem như là một lợi thế đặc biệt quan trọng của tỉnh trong thu hút đầu tư, nguồn lực phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số và nền kinh tế số của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số), xây dựng thành phố thông minh, đủ năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025:

- 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước hàng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số.

- 100% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh, hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số, an toàn thông tin.

- 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- 70% người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh

vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

- 50% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.

- 80% các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông có các chương trình hằng năm tuyên truyền, phổ biến về chuyên đổi số, công nghệ số, các kỹ năng số cơ bản, các nguy cơ và kỹ năng cần thiết để tương tác lành mạnh, an toàn trên không gian mạng.

- Đào tạo được tối thiểu 50 chuyên gia chuyên đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương để trở thành lực lượng nòng cốt dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyên đổi số quốc gia.

- Triển khai thí điểm mô hình "Giáo dục đại học số" tại một số cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

Đến năm 2030:

- Duy trì 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước hằng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyên đổi số, kỹ năng số, công nghệ số.

- Duy trì 100% cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số của tỉnh, hằng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số, an toàn thông tin.

- Trên 90% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- Trên 90% người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

- Trên 80% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.

- Trên 90% các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông có các chương trình hằng năm tuyên truyền, phổ biến và chuyên đổi số, công nghệ số, các kỹ năng số cơ bản và các nguy cơ và kỹ năng cần thiết để tương tác lành mạnh, an toàn trên không gian mạng.

- Đào tạo được tối thiểu 100 chuyên gia chuyên đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương để trở thành lực lượng nòng cốt dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyên đổi số quốc gia.

- Hình thành mạng lưới đào tạo kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, công nghệ số đáp ứng cho nhu cầu trong tỉnh (các trung tâm đào tạo kỹ năng số, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng).

III. CÁC NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước

1.1. Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cho người đứng đầu các cấp trong các cơ quan nhà nước

- Nội dung đào tạo:

+ Nâng cao chỉ số đánh giá về chuyển đổi số.

+ Những lợi thế, tiện ích chuyển đổi số khi triển khai trong cơ quan, đơn vị, số hóa các nghiệp vụ.

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ lãnh đạo tại các sở, ngành, UBND cấp huyện.

- Số lượng đào tạo: 31 cán bộ.

- Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung tại tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Kinh phí: 300 triệu đồng.

1.2. Đào tạo kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ chuyên trách

a) Đào tạo chuyên sâu về nền tảng số, dữ liệu số, ứng dụng số và an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước

- Nội dung đào tạo:

+ Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về nền tảng chính quyền số (bao gồm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); nền tảng kết nối dịch vụ số hóa; nền tảng định danh điện tử (eID); nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa; nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh; nền tảng họp trực tuyến thế hệ mới cho cơ quan nhà nước; nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân);

+ Khai thác nền tảng hạ tầng số (nền tảng địa chỉ số; nền tảng bản đồ số; nền tảng điện toán đám mây); nền tảng công nghệ số cốt lõi (nền tảng trí tuệ nhân tạo; nền tảng thiết bị IoT; nền tảng trợ lý ảo);

+ Khai thác dữ liệu số các ngành, lĩnh vực (cơ sở dữ liệu dùng chung; cơ sở dữ liệu chuyên ngành; dữ liệu mở);

+ Khai thác ứng dụng phục vụ phát triển chính quyền số (hệ thống quản lý công việc; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống phòng họp không giấy; hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tỉnh; hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; hệ thống quản lý đất đai; hệ thống quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; hệ thống quản lý ngành tài chính; hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc; cổng thông tin điện tử; hệ thống chứng thực điện tử và quản lý chữ ký số tỉnh; hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh; hệ thống phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh; hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp).

+ Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý rủi ro (bao gồm các kiến thức về các quy trình quản lý rủi ro; an toàn thông tin mạng; phương pháp xác thực, ủy quyền và kiểm soát truy cập; các công cụ bảo vệ và đánh giá điểm yếu an toàn thông tin mạng và khả năng của các công cụ; mật mã và các khái niệm quản lý khóa mật mã; sao lưu và phục hồi dữ liệu; quản trị mạng và hệ thống);

+ Phối hợp ứng cứu sự cố;

+ Giám sát an toàn thông tin; an toàn hạ tầng thông tin;

+ Kiến trúc an toàn thông tin;

+ Triển khai an toàn hệ thống thông tin;

+ Vận hành an toàn hệ thống.

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm công nghệ thông tin tại các sở, ngành, UBND cấp huyện.

- Số lượng đào tạo: 20 cán bộ.

- Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung tại tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Kinh phí: 300 triệu đồng.

b) Đào tạo chuyên ngành về công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng

Đào tạo trình độ đại học (văn bằng 2) và trình độ thạc sĩ, bao gồm các kiến thức chuyên ngành và kiến thức chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng.

* *Đào tạo trình độ đại học (văn bằng 2):*

- Nội dung đào tạo:

+ Đào tạo về kiến thức chuyên ngành (kiến trúc máy tính; hệ quản trị cơ sở dữ liệu; mạng máy tính và truyền số liệu; phân tích và thiết kế hệ thống; ngôn ngữ lập trình; trí tuệ nhân tạo; kỹ nghệ phần mềm; các công nghệ ảo hóa; quản lý dự án công nghệ thông tin; phát triển ứng dụng di động; Công nghệ đa phương tiện).

+ Đào tạo về kiến thức chuyên sâu (quản trị mạng; quản trị mạng nâng cao; điện toán đám mây; các hệ thống thông minh; mạng kết nối vạn vật; quản trị công nghệ thông tin và truyền thông; quản lý thông tin; hệ thống thương mại điện tử; phát hiện tri thức từ dữ liệu; công nghệ web).

+ Đào tạo về kiến thức chuyên ngành và chuyên sâu an toàn thông tin (Hệ thống tìm kiếm, phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập; an toàn mạng không dây và di động; quản lý rủi và an toàn thông tin; bảo mật IoT; công nghệ tường lửa và bảo vệ mạng ngoại vi; an toàn dữ liệu và khôi phục thông tin sau sự cố; an toàn mạng máy tính nâng cao; an toàn kiến trúc hệ thống); chuyên ngành điều tra tội phạm số (kỹ thuật phân tích mã độc; bảo mật web và ứng dụng; pháp chứng kỹ thuật số).

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ kiêm nhiệm công nghệ thông tin tại các sở, ngành, UBND cấp huyện (cho 40-50 cán bộ).

- Hình thức đào tạo: Liên kết đào tạo với Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông giảng dạy trực tiếp tại Học viện hoặc kết hợp trực tuyến tại tỉnh Bắc Giang.

- Thời gian đào tạo: Từ năm 2024 - 2027 (2,5 - 3 năm).

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Kinh phí đào tạo: Theo quy định của cơ sở đào tạo và các văn bản pháp luật liên quan.

** Lớp đào tạo trình độ thạc sỹ công nghệ thông tin, an ninh mạng:*

- Nội dung đào tạo:

- + Đào tạo về kiến thức chuyên sâu (quản trị mạng; quản trị mạng nâng cao; điện toán đám mây; các hệ thống thông minh; mạng kết nối vạn vật; quản trị công nghệ thông tin và truyền thông; quản lý thông tin; hệ thống thương mại điện tử; phát hiện tri thức từ dữ liệu; công nghệ web).

- + Đào tạo về kiến thức chuyên ngành và chuyên sâu an toàn thông tin (Hệ thống tìm kiếm, phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập; an toàn mạng không dây và di động; quản lý rủi và an toàn thông tin; bảo mật IoT; công nghệ tường lửa và bảo vệ mạng ngoại vi; an toàn dữ liệu và khôi phục thông tin sau sự cố; an toàn mạng máy tính nâng cao; an toàn kiến trúc hệ thống); chuyên ngành điều tra tội phạm số (kỹ thuật phân tích mã độc; bảo mật web và ứng dụng; pháp chứng kỹ thuật số).

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an ninh mạng tại các sở, ngành, UBND cấp huyện (khoảng 30 cán bộ).

- Hình thức đào tạo: Liên kết đào tạo với Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông giảng dạy trực tiếp hoặc kết hợp trực tuyến tại tỉnh Bắc Giang.

- Thời gian đào tạo: Từ năm 2024 – 2026 (1,5 năm).

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Kinh phí đào tạo: Theo quy định của cơ sở đào tạo và các văn bản pháp luật liên quan.

1.3. Đào tạo kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

a) Đào tạo kỹ năng khai thác nền tảng số, dữ liệu số, ứng dụng số trong các cơ quan nhà nước

- Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí, cải thiện hiệu suất đào tạo, phù hợp với từng chuyên môn, nghiệp vụ. Nội dung mỗi bài giảng đào tạo trực tuyến được xây dựng dưới nhiều định dạng. Bao gồm bài giảng dưới dạng hình ảnh, video, nội dung văn bản...

- Nội dung đào tạo:

+ Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về nền tảng chính quyền số (bao gồm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); nền tảng kết nối dịch vụ số hóa; nền tảng định danh điện tử (eID); nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa; nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh; nền tảng hợp trực tuyến thế hệ mới cho cơ quan nhà nước; nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân);

+ Khai thác nền tảng hạ tầng số (nền tảng địa chỉ số; nền tảng bản đồ số; nền tảng điện toán đám mây); nền tảng công nghệ số cốt lõi (nền tảng trí tuệ nhân tạo; nền tảng thiết bị IoT; nền tảng trợ lý ảo);

+ Khai thác dữ liệu số các ngành, lĩnh vực (cơ sở dữ liệu dùng chung; cơ sở dữ liệu chuyên ngành; dữ liệu mở);

+ Khai thác ứng dụng phục vụ phát triển chính quyền số (hệ thống quản lý công việc; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống phòng họp không giấy; hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tỉnh; hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức; hệ thống quản lý đất đai; hệ thống quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; hệ thống quản lý ngành tài chính; hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc; cổng thông tin điện tử; hệ thống chứng thực điện tử và quản lý chữ ký số tỉnh; hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh; hệ thống phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh; hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp).

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Số lượng đào tạo: 5.000 cán bộ.

- Hình thức đào tạo: Đào tạo trực tuyến và hướng dẫn thực hành (trợ giúp, hướng dẫn kỹ thuật).

- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Kinh phí: 3.500 triệu đồng.

b) Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác dịch vụ công trực tuyến trong các cơ quan nhà nước

- Nội dung đào tạo: Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tiếp nhận và xử lý hồ sơ bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã. Mỗi đơn vị 1 cán bộ.

- Số lượng đào tạo: 240 cán bộ.

- Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung tại tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Kinh phí: 2.100 triệu đồng.

c) Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác nghiệp vụ nông nghiệp số

- Nội dung đào tạo: Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản; bản đồ số hóa vùng nguyên liệu, vùng nuôi trồng tích hợp với hệ thống cảm biến quan sát, giám sát, cảnh báo hiệu quả tình hình khí tượng thủy văn, thổ nhưỡng....

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ, công chức, viên chức tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Số lượng đào tạo: 60 cán bộ.
- Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung tại tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.
- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Kinh phí: 550 triệu đồng.

2. Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng số trong các đơn vị sự nghiệp

2.1. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác nghiệp vụ y tế số

- Nội dung đào tạo: Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về nền tảng số (nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; nền tảng quản lý tiêm chủng; nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử; nền tảng trạm y tế xã; nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến); hồ sơ bệnh án điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ y, bác sỹ tại các đơn vị bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, trạm y tế xã.

- Hình thức đào tạo: Nền tảng học tập trực tuyến.
- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.
- Đơn vị chủ trì: Sở Y tế.
- Kinh phí: 500 triệu đồng.

2.2. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số dành cho giáo viên

- Nội dung đào tạo: Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về nền tảng số (nền tảng dạy học trực tuyến; nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS); nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa; nền tảng giáo dục số - nền tảng kho học liệu số); công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác); thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ, giáo viên tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Hình thức đào tạo: Nền tảng học tập trực tuyến.
- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.
- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Kinh phí: 650 triệu đồng.

2.3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao cho giáo viên giảng dạy tin học

Trang bị cho các giáo viên những kiến thức nền tảng để có thể đáp ứng tốt việc dạy học môn Tin học trong chương trình giáo dục Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Qua đó, giúp các giáo viên có khả năng nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, thích ứng với mọi điều kiện dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông.

- Nội dung đào tạo:

+ Khối kiến thức chuyên ngành: Tin học đại cương; Lập trình trực quan và thuật toán; Tin học ứng dụng; văn hóa trong môi trường số hóa; mạng máy tính và internet; thiết bị tin học; trải nghiệm sáng tạo với lập trình và các phần mềm ứng dụng; giáo dục STEM.

- + Phương pháp giảng dạy Tin học.

- Đối tượng đào tạo: Giáo viên giảng dạy tin học tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Hình thức đào tạo: Nền tảng học tập trực tuyến.
- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.
- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Kinh phí: 350 triệu đồng.

3. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng

Khai thác sử dụng Nền tảng học tập trực tuyến mở đại trà (MOOCs) để bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số để nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Nội dung: Phát triển kỹ năng số thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử), giáo dục, thương mại, sản xuất nông nghiệp số (nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi), sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet; kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản.

- Đối tượng đào tạo: Tổ công nghệ số cộng đồng trong toàn tỉnh.
- Hình thức đào tạo: Nền tảng học tập trực tuyến.

- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.
- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Kinh phí: 350 triệu đồng.

4. Đào tạo kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp

- Đào tạo chuyên ngành về sản xuất thông minh; triển khai nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp; nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp, nền tảng trí tuệ nhân tạo, nền tảng trợ lý ảo, nền tảng thiết bị IoT; triển khai hoạt động thương mại điện tử B2B, B2C, G2B (bao gồm các triển khai các nền tảng số; nền tảng ứng dụng di động; nền tảng mạng xã hội; nền tảng hóa đơn điện tử; hợp đồng điện tử; nền tảng thanh toán số...).

- Đối tượng đào tạo: Lao động tại các doanh nghiệp.
- Hình thức đào tạo: Nền tảng học tập trực tuyến.
- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.
- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Kinh phí: 500 triệu đồng.

5. Đào tạo kỹ năng số, năng lực số cho người dân

5.1. Tuyên truyền thường xuyên liên tục trên các kênh truyền thông đại chúng

+ Xây dựng, thiết lập và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa tin, đặt bài, viết bài về chuyển đổi số trên hệ thống báo chí, báo điện tử, trang tin điện tử; tuyên truyền trên các cổng/trang thông tin điện tử.

+ Sản xuất các chương trình phát thanh truyền hình, chuyên đề chuyên sâu về chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh, truyền hình; sản xuất các nội dung tin bài, ảnh, video, clip tạo xu thế về chuyển đổi số để đăng, phát trên các kênh, nền tảng khác nhau và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số đến các hộ gia đình, người dân trong thôn, tổ dân phố; tuyên truyền, phổ biến để người dân hiểu được lợi ích khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, mua sắm trực tuyến và sử dụng các nền tảng số “Make in Việt Nam”, công nghệ số trong cuộc sống hàng ngày và tăng cường sử dụng các dịch vụ, tiện ích của chuyển đổi số thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Đối tượng thụ hưởng: Người dân trong toàn tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.
- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Bắc Giang.
- Kinh phí: 3.500 triệu đồng.

5.2. Tuyên truyền qua hệ thống thông tin cơ sở

+ Xây dựng các chương trình phát thanh phù hợp với mỗi địa phương, vùng miền để phát trên hệ thống loa phát thanh xã.

+ Tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, tranh cổ động, đồ họa thông tin (infographic), đồ họa chuyển động (motion graphics), các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp tuyên truyền về chuyển đổi số, lợi ích chuyển đổi số đặt tại trong thang máy của các tòa nhà văn phòng, trung tâm thương mại, chung cư cao tầng, ngã tư giao thông....

- Đối tượng thụ hưởng: Người dân trong toàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp xã; Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn.

- Kinh phí: 2.800 triệu đồng

5.3. Tuyên truyền tại các cơ sở giáo dục

Đưa nội dung phổ cập 05 nội dung kỹ năng số cơ bản vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số; tổ chức các cuộc họp, tọa đàm, sự kiện văn hóa - nghệ thuật, thể thao trong các trường học, kết hợp lồng ghép hoạt động thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số đối với các đối tượng là sinh viên, học sinh... trong các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh.

- Đối tượng thụ hưởng: Sinh viên, học sinh trong các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.

- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Kinh phí: 1.400 triệu đồng.

5.4. Đào tạo trực tuyến mở đại trà

Khai thác sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) để bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số để nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho phép người dân truy cập miễn phí để tự học các kỹ năng số, từng bước hình thành công dân số, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

- Nội dung: Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử), giáo dục, thương mại, sản xuất nông nghiệp số (nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi), sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn

người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

- Đối tượng đào tạo: Người dân trong độ tuổi lao động trong toàn tỉnh.
- Hình thức đào tạo: Nền tảng học tập trực tuyến.
- Thời gian thực hiện: Định kỳ hằng năm từ 2024 - 2030.
- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Kinh phí: 350 triệu đồng.

IV. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung đào tạo	Đối tượng đào tạo	Quy mô	Hình thức đào tạo	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
Tổng cộng								23.950.000.000		
I	Trong các cơ quan nhà nước									
1	Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cho người đứng đầu các cấp trong các cơ quan nhà nước	+ Nâng cao chỉ số đánh giá về chuyển đổi số. + Những lợi thế, tiện ích chuyển đổi số khi triển khai trong cơ quan, đơn vị, số hóa các nghiệp vụ.	Cán bộ lãnh đạo tại các sở, ngành, UBND cấp huyện.	31	Đào tạo tập trung tại tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 – 2030	300.000.000	Ngân sách địa phương	Chi phí bao gồm các khoản thù lao cho giảng viên; chi phí thuê thiết bị, in ấn tài liệu, tổ chức quản lý lớp học... theo Thông tư 42/2023/TT-BTC; Thông tư 36/2018/TT-BTC; Nghị quyết 27/2018/NQ-HĐND; Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND

2	Đào tạo chuyên sâu về nền tảng số, dữ liệu số, ứng dụng số và an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> + Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về nền tảng chính quyền số; nền tảng hạ tầng số. + Khai thác dữ liệu số các ngành, lĩnh vực (cơ sở dữ liệu dùng chung; cơ sở dữ liệu chuyên ngành; dữ liệu mở); + Khai thác ứng dụng phục vụ phát triển chính quyền số; + Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý rủi ro; + Phối hợp ứng cứu sự cố; + Giám sát an toàn thông tin; an toàn hạ tầng thông tin; + Kiến trúc an toàn thông tin; + Triển khai an toàn hệ thống thông tin; + Vận hành an toàn hệ thống. 	Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm công nghệ thông tin tại các sở, ngành, UBND cấp huyện.	20	Đào tạo tập trung tại tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 – 2030	300.000.000	Ngân sách địa phương	Chi phí bao gồm các khoản thù lao cho giảng viên; chi phí thuê thiết bị, in ấn tài liệu, tổ chức quản lý lớp học... theo Thông tư 36/2018/TT-BTC; Nghị quyết 27/2018/NQ-HĐND; Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND
3	Đào tạo chuyên ngành về công nghệ thông tin; an toàn thông tin									
3.1	Đào tạo trình độ đại học (văn bằng 2) kiến thức chuyên ngành và kiến thức chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng	<ul style="list-style-type: none"> + Đào tạo về kiến thức chuyên ngành công nghệ thông tin (kiến trúc máy tính; hệ quản trị cơ sở dữ liệu; mạng máy tính và truyền số liệu; phân tích và thiết kế hệ thống; ngôn ngữ lập trình; trí tuệ nhân tạo; kỹ nghệ phần mềm; các công nghệ ảo hóa; quản lý 	Cán bộ kiêm nhiệm công nghệ thông tin tại các sở, ngành, UBND cấp huyện	40-50	Liên kết đào tạo với Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 - 2027	Theo quy định của cơ sở đào tạo và các văn bản pháp luật hiện hành	Ngân sách địa phương	Tham khảo chi phí đào tạo tại các Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông.

	<p>dự án công nghệ thông tin; phát triển ứng dụng di động; Công nghệ đa phương tiện).</p> <p>+ Đào tạo về kiến thức chuyên sâu (quản trị mạng; quản trị mạng nâng cao; điện toán đám mây; các hệ thống thông minh; mạng kết nối vạn vật; quản trị công nghệ thông tin và truyền thông; quản lý thông tin; hệ thống thương mại điện tử; phát hiện tri thức từ dữ liệu; công nghệ web).</p> <p>+ Đào tạo về kiến thức chuyên ngành an toàn thông tin (Hệ thống tìm kiếm, phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập; an toàn mạng không dây và di động; quản lý rủi ro và an toàn thông tin; bảo mật IoT; công nghệ tường lửa và bảo vệ mạng ngoại vi; an toàn dữ liệu và khôi phục thông tin sau sự cố; an toàn mạng máy tính nâng cao; an toàn kiến trúc hệ thống); chuyên ngành điều tra tội phạm số (kỹ thuật phân tích mã độc; bảo mật web và ứng dụng; pháp chứng kỹ thuật số).</p>			<p>giảng dạy trực tiếp tại Học viện hoặc kết hợp trực tuyến tại tỉnh Bắc Giang.</p>					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

3.2	Đào tạo trình độ thạc sỹ các kiến thức chuyên ngành và kiến thức chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng	<p>+ Đào tạo về kiến thức chuyên sâu (quản trị mạng; quản trị mạng nâng cao; điện toán đám mây; các hệ thống thông minh; mạng kết nối vạn vật; quản trị công nghệ thông tin và truyền thông; quản lý thông tin; hệ thống thương mại điện tử; phát hiện tri thức từ dữ liệu; công nghệ web).</p> <p>+ Đào tạo về kiến thức chuyên ngành và chuyên sâu an toàn thông tin (Hệ thống tìm kiếm, phát hiện và ngăn ngừa xâm nhập; an toàn mạng không dây và di động; quản lý rủi và an toàn thông tin; bảo mật IoT; công nghệ tường lửa và bảo vệ mạng ngoại vi; an toàn dữ liệu và khôi phục thông tin sau sự cố; an toàn mạng máy tính nâng cao; an toàn kiến trúc hệ thống); chuyên ngành điều tra tội phạm số (kỹ thuật phân tích mã độc; bảo mật web và ứng dụng; pháp chứng kỹ thuật số).</p>	Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an ninh mạng tại các sở, ngành, UBND cấp huyện	30	Liên kết đào tạo với Học viện Công nghệ Bru chính viên thông giảng dạy trực tiếp hoặc kết hợp trực tuyến tại tỉnh Bắc Giang.	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 – 2026	Theo quy định của cơ sở đào tạo và các văn bản pháp luật hiện hành	Ngân sách địa phương	Tham khảo chi phí đào tạo tại các Học viện Công nghệ Bru chính viên thông.
-----	--	---	---	----	--	------------------------------	-------------	--	----------------------	--

4	Đào tạo kỹ năng khai thác nền tảng số, dữ liệu số, ứng dụng số trong các cơ quan nhà nước	+ Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về nền tảng chính quyền số; nền tảng hạ tầng số. + Khai thác dữ liệu số các ngành, lĩnh vực (cơ sở dữ liệu dùng chung; cơ sở dữ liệu chuyên ngành; dữ liệu mở); + Khai thác ứng dụng phục vụ phát triển chính quyền số.	Cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	5000	Đào tạo trực tuyến và hướng dẫn thực hành (trợ giúp, hướng dẫn kỹ thuật)	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 – 2030	3.500.000.000	Ngân sách địa phương	Chi phí bao gồm xây dựng bài giảng; Chi phí đường truyền; Chi số hóa tài liệu và các chi phí khác theo Thông tư 06/2023/TT-BTC
5	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác dịch vụ công trực tuyến trong các cơ quan nhà nước	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tiếp nhận và xử lý hồ sơ bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.	240	Đào tạo tập trung tại tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 – 2030	2.100.000.000	Ngân sách địa phương	Chi phí bao gồm các khoản thù lao cho giảng viên; chi phí thuê thiết bị, in ấn tài liệu, tổ chức quản lý lớp học... theo Thông tư 36/2018/TT-BTC; Nghị quyết 27/2018/NQ-HĐND; Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND

6	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác nghiệp vụ nông nghiệp số	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản; bản đồ số hóa vùng nguyên liệu, vùng nuôi trồng tích hợp với hệ thống cảm biến quan sát, giám sát, cảnh báo hiệu quả tình hình khí tượng thủy văn, thổ nhưỡng...	Cán bộ, công chức, viên chức tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60	Đào tạo tập trung tại tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 – 2030	550.000.000	Ngân sách địa phương	Chi phí bao gồm các khoản thù lao cho giảng viên; chi phí thuê thiết bị, in ấn tài liệu, tổ chức quản lý lớp học... theo Thông tư 36/2018/TT-BTC; Nghị quyết 27/2018/NQ-HĐND; Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND
II Trong các đơn vị sự nghiệp										
7	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác nghiệp vụ y tế số	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, tác nghiệp về nền tảng số (nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; nền tảng quản lý tiêm chủng; nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử; nền tảng trạm y tế xã; nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến); hồ sơ bệnh án điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt.	Cán bộ y, bác sĩ tại các đơn vị bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, trạm y tế xã		Nền tảng học tập trực tuyến	Sở Y tế	2024 – 2030	500.000.000	Ngân sách địa phương	Chi phí bao gồm xây dựng bài giảng; Chi phí đường truyền; Chi số hóa tài liệu và các chi phí khác theo Thông tư 06/2023/TT-BTC

12	Tuyên truyền thường xuyên liên tục trên các kênh truyền thông đại chúng	<p>+ Xây dựng, thiết lập và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>+ Sản xuất các chương trình phát thanh truyền hình, chuyên đề chuyên sâu về chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh, truyền hình; sản xuất các nội dung tin bài, ảnh, video, clip tạo xu thế về chuyển đổi số để đăng, phát trên các kênh, nền tảng khác nhau.</p> <p>+ Phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, mua sắm trực tuyến và sử dụng các nền tảng số “Make in Việt Nam” thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.</p>	Người dân trong toàn tỉnh			Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Bắc Giang	2024 – 2030	3.500.000.000	Ngân sách địa phương	
----	---	---	---------------------------	--	--	---	-------------	---------------	----------------------	--

13	Tuyên truyền qua hệ thống thông tin cơ sở	<p>+ Xây dựng các chương trình phát thanh phù hợp với mỗi địa phương, vùng miền để phát trên hệ thống loa phát thanh xã.</p> <p>+ Tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, tranh cổ động, đồ họa thông tin, đồ họa chuyển động, các vật dụng được in ảnh thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số...</p>	Người dân trong toàn tỉnh			Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp xã; Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn	2024 – 2030	2.800.000.000	Ngân sách địa phương	
14	Tuyên truyền tại các cơ sở giáo dục	<p>Đưa nội dung phổ cập 05 kỹ năng số cơ bản vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số; tổ chức các cuộc họp, tọa đàm, sự kiện văn hóa - nghệ thuật, thể thao trong các trường học, kết hợp lồng ghép hoạt động thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số đối với các đối tượng là sinh viên, học sinh trong các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh.</p>	Sinh viên, học sinh trong các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh			Sở Giáo dục và Đào tạo	2024 – 2030	1.400.000.000	Ngân sách địa phương	

15	Đào tạo trực tuyến mở đài trả	Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử), giáo dục, thương mại, sản xuất nông nghiệp số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số.	Người dân trong độ tuổi lao động trong toàn tỉnh		Nền tảng học tập trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 – 2030	350.000.000	Ngân sách địa phương	Chi phí bao gồm xây dựng bài giảng; Chi phí đường truyền; Chi số hóa tài liệu và các chi phí khác theo Thông tư 06/2023/TT-BTC
----	-------------------------------	--	--	--	-----------------------------	------------------------------	-------------	-------------	----------------------	--

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách

Xây dựng, cập nhật và ban hành cơ chế triển khai đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên trách và trực tiếp triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

Xây dựng chính sách thu hút, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

2. Nhóm các giải pháp hỗ trợ triển khai thúc đẩy hoạt động đào tạo, phát triển nhân lực chuyển đổi số

Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số phải vừa bao quát, vừa cụ thể với lộ trình phù hợp, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên trước, tiến đến chuyển đổi số toàn diện, để toàn dân có thời gian hiểu biết, làm quen và thích ứng dần với quá trình chuyển đổi số.

Tổ chức thực hiện phải đạt hiệu quả tốt về mặt truyền thông, đồng thời tạo sự chuyển biến nhận thức của toàn xã hội về chuyển đổi số trên mọi phương diện của cuộc sống.

Tổ chức đào tạo, tập huấn phải đi đôi với thực tiễn, đặc thù của từng lĩnh vực, nội dung thiết thực, truyền đạt tính thực tiễn cao hiệu quả, thời gian và phương thức triển khai kết hợp hài hòa bảo đảm người học có thể tham gia.

Tăng cường hợp tác Quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về đào tạo, nghiên cứu công nghệ số, kỹ năng số; khuyến khích các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang xây dựng, triển khai các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, học viên với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ năng số có uy tín trên thế giới; tổ chức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học đầu ngành về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ năng số đi khảo sát kinh nghiệm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực liên quan tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu có uy tín ở nước ngoài.

Khuyến khích, hỗ trợ các hình thức hợp tác giữa nhà trường, viện nghiên cứu và tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực chuyển đổi số; xây dựng chương trình phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tập đoàn, doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên thực tập, làm việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu....

3. Nhóm các giải pháp về cơ chế tài chính

Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi Đề án được giao cho các cơ quan chủ trì, huy động các nguồn lực tài chính từ xã hội và các nguồn kinh phí khác cho hoạt động nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số.

Khuyến khích, ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai các chương trình, dự án đào tạo thực hành ngắn hạn về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ năng số cho cán bộ chuyên trách tại các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án; định kỳ kiểm tra, giám sát việc triển khai Đề án báo cáo UBND tỉnh.

Xây dựng, theo dõi dự án, lập dự toán chi tiết; lựa chọn đơn vị đào tạo, chuẩn bị các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trình độ và kỹ năng cho cán bộ công chức, viên chức.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành chế độ chính sách hỗ trợ cán bộ công chức, viên chức chuyên trách và bán chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Là cơ quan đầu mối, phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác phát triển các nhiệm vụ về nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong doanh nghiệp và xã hội.

Chủ trì tổ chức các hội nghị, hội thảo giới thiệu, hội nghị sơ kết hằng năm nhằm đánh giá rút kinh nghiệm để triển khai Đề án đạt hiệu quả, chất lượng.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tham mưu đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý tưởng, sáng kiến, cách làm đột phá, sáng tạo trong chuyển đổi số, giúp mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của cơ quan, tổ chức và lợi ích cộng đồng vào dịp tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết Đề án (riêng đối với hình thức khen thưởng đột xuất sẽ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể).

2. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và truyền thông và các sở, ban, ngành tỉnh cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nguồn công nghệ thông tin theo phân cấp thẩm quyền.

Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trình UBND tỉnh ban hành. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, đưa các nội dung đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin vào Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm của tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thực hiện.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý tưởng, sáng kiến, cách làm đột phá, sáng tạo trong chuyển đổi số, giúp mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của cơ quan, tổ chức và lợi ích cộng đồng vào dịp tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết Đề án.

3. Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp quản lý ngân sách.

Thực hiện thẩm định và quyết toán theo quy định.

4. Các cơ quan sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện

Sắp xếp, bố trí cán bộ công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ trong quá trình học tập.

Lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với yêu cầu lựa chọn nhân sự tham gia các lớp phù hợp chuyên môn, nghiệp vụ và công việc đang đảm trách; ký cam kết và quy định làm việc, thưởng phạt cụ thể với người được cử đi học và thời hạn nộp kết quả học tập (chứng chỉ, chứng nhận, bằng cấp).

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai các nội dung của Đề án.

5. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Chủ trì, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tuyên truyền thường xuyên liên tục về chuyển đổi số trên các kênh truyền thông đại chúng.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai các nội dung của Đề án.

6. Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Đề án để chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ nhà giáo để thực hiện những nội dung về đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, nhất là tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao.

Kết hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, thiết bị giảng dạy phù hợp với điều kiện sản xuất của doanh nghiệp; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chuyên sâu theo hướng giảng dạy tích hợp để tăng tính chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học. Đồng thời tăng cường đào tạo nghề tại doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo của doanh nghiệp.

Mở rộng mô hình đào tạo, đào tạo nghề chất lượng cao, ưu tiên các lĩnh vực ngành nghề đang thiếu như lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ.

7. Các doanh nghiệp

Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc tự tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp để nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

Cử người có đủ điều kiện tham gia đào tạo. Tổ chức thi kỹ năng nghề cho người lao động, đánh giá và công nhận kỹ năng nghề, phát triển năng lực nghề nghiệp cho người lao động.

Thông tin, báo cáo chính xác, kịp thời về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động theo ngành nghề và nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp; chỉ sử dụng lao động đã qua đào tạo nghề nghiệp hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở một số ngành nghề theo quy định của pháp luật.

Tạo điều kiện về thời gian, nguồn lực để các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp được tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cử người lao động tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực trình độ nghề nghiệp do các cơ sở đào tạo tổ chức./.